

Bản án số: 68/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04-8- 2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Tân
2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Hồng T, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Châu T, huyện V, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Mặc Đây, thị trấn Châu Hưng, huyện V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Hồng T trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 6 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Chị T và anh Đ xây dựng hôn nhân năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Chung sống với nhau có một người con chung cháu Trần Tú N, sinh ngày 14/01/2020, hiện cháu N đang sống chung với chị T. Về tài sản chung không có. Do sau khi cưới chị T và anh Đ sống chung với cha mẹ chị T ở ấp X, xã Châu T, huyện V, tỉnh B, làm nhiều chi sài hết không tích lũy tài sản.

Nguyên nhân yêu cầu ly hôn: Do anh Đ không lo làm ăn, bạo lực với chị T và vợ chồng chị T đã sống ly thân hơn 02 tháng nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung, chị T yêu cầu nuôi cháu N, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Nợ chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày: Anh Đ thống nhất với lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, anh Đ và chị T không có đăng ký kết hôn. Hiện cháu N đang sống cùng chị T.

Tài sản chung: Có mộ căn nhà cấp bốn cất trên đất của anh vợ Trần Văn L đứng tên quyền sử dụng đất. Nguồn gốc phần đất này do anh Đ và chị T nhận chuyển nhượng của anh Lợi, khi mua không có làm giấy tay và hiện nay anh Lợi vẫn chưa chuyển quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Đ, chị T. Ngoài ra không còn tài sản gì khác. Nợ chung không có. Quá trình chung sống anh Đ và chị T có phát sinh mâu thuẫn, thường cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn từ tiền bạc. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh Đ đồng ý. Tài sản chung anh Đ với chị T sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận được, anh Đ sẽ khởi kiện chị T ở vụ án khác. Anh Đ đồng ý giao cháu N cho chị T nuôi dạy, anh Đ không phải cấp dưỡng. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chị T và anh Đ không phải là vợ chồng. về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Tú N, sinh ngày 14/01/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dạy, điều này anh Đ cũng đồng ý; Tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Hồng T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh Đ; hiện anh Đ đang cư trú tại ấp Mặc Đây, thị trấn Châu Hưng, huyện V, tỉnh B, nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2018 chị T và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo tập quán địa phương và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Chị T cho rằng, trong quá trình chung sống, chị T và anh Đ có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn này không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ. Phía anh Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, do chị T và anh Đ không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài*

sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”. Do vậy, Tòa án không công nhận chị T và anh Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ chung sống có một người con chung là cháu Trần Tú N, sinh ngày 14/01/2020, hiện cháu N đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu nuôi cháu N. Phía anh Đ đồng ý giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dạy cần ghi nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T đối với anh Đ. Cần tiếp tục giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dạy. Anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh Đ thống nhất vợ chồng anh chị có tài sản chung là một căn nhà cấp bốn (nhà tình thương do nhà nước cấp). Ngoài ra không còn tài sản nào khác. Phần tài sản chung, chị T và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị T phải nộp 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013634 ngày 07/6/2023, được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Hồng T và anh Nguyễn Minh Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Tú N, sinh ngày 14/01/2020, cho chị Trần Hồng T tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hiện cháu N đang sống với chị T.

Anh Đ không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Hồng T không yêu cầu anh Nguyễn Minh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị Trần Hồng T phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng. Chị Trần Hồng T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000

đồng theo Biên lai thu số 0013634 ngày 07/6/2023, được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Châu T, huyện V, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi